

BIẾN ĐỔI NGỮ ÂM: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

TS. Nguyễn Đình Hiền

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc
Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội*

Tóm tắt. Ngôn ngữ luôn luôn vận động biến đổi, cho dù ở những thời kỳ khác nhau có thể diễn ra nhanh hay chậm, theo chiều hướng này hay chiều hướng khác. Ngữ âm là vô âm thanh của ngôn ngữ, vì vậy nhắc đến sự biến đổi của ngôn ngữ, không thể không nhắc đến sự biến đổi của ngữ âm. Bài viết tổng hợp, phân tích và giới thiệu những vấn đề lý luận liên quan đến biến đổi ngữ âm, nhằm cung cấp cơ sở lý luận vững chắc cho việc nghiên cứu biến đổi ngữ âm của tiếng Việt cũng như những ngôn ngữ khác.

Từ khóa. Ngôn ngữ, ngữ âm, biến đổi ngữ âm, lý luận.

1. Dẫn luận

“Ngôn ngữ là hệ thống những âm, những từ và những quy tắc kết hợp chúng mà những người trong cùng một cộng đồng dùng làm phương tiện để giao tiếp với nhau” (*Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên). Với tư cách là phương tiện giao tiếp của con người nên ngôn ngữ không nằm ngoài quy luật vận động và phát triển, bởi theo Ăngghen “Vận động hiểu theo nghĩa chung nhất bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy”¹.

Sự biến đổi của ngôn ngữ bao gồm sự biến đổi của ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và thậm chí cả văn tự. Sự biến đổi của ngữ pháp có thể được thể hiện qua sự thay đổi của các dạng câu, các kết cấu ngữ pháp ở những thời kỳ khác nhau. So với ngữ pháp, sự biến đổi của từ vựng dễ quan sát hơn, nó thể hiện ở sự mất đi, sự vay mượn hay sự sản sinh thêm các từ ngữ; hay cũng có thể là sự mất đi, sự sản sinh thêm hay sự mở rộng, thu hẹp nghĩa của từ ngữ. Sự biến đổi của văn tự được thể hiện ở sự thay đổi về hình thể, âm đọc hay ý nghĩa của chữ.

Ngữ âm là vô âm thanh của ngôn ngữ, vì vậy nhắc đến sự biến đổi của ngôn ngữ, người ta thường nghĩ ngay đến sự biến đổi của ngữ âm. Trong lịch sử nghiên cứu ngôn ngữ, sự biến đổi của ngữ âm cũng được nghiên cứu sớm và có nhiều thành quả hơn những lĩnh vực khác. Sự biến đổi của ngữ âm có thể diễn ra ở thanh mẫu, vận mẫu hay thanh điệu... Một ví dụ điển hình cho sự biến đổi ngữ âm là sự phát triển thành thanh điệu của tiếng Việt từ hệ thống âm cuối và do ảnh hưởng của thanh mẫu².

Trong khuôn khổ của bài viết này, trước tiên chúng tôi tìm hiểu nhận thức của con người về biến đổi ngôn ngữ (bao gồm biến đổi ngữ âm), trên cơ sở đó chúng tôi tìm hiểu những vấn đề liên quan đến biến đổi ngữ âm (tính quy luật, nguyên nhân và phương thức biến đổi ngữ âm). Bài viết

¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, 1994, tập 20, trang 519.

² A.G.Haudricourt trong *Nguồn gốc thanh điệu của tiếng Việt* đã chứng minh được rằng tiếng Việt vốn không có thanh điệu, thế kỷ thứ 3 mới có 3 thanh điệu và thế kỷ 12 mới có 6 thanh điệu. Thanh sắc, thanh nặng do âm sát cuối [-s] biến đổi thành, thanh hỏi, thanh ngã do âm cuối tắc hầu [-ʔ] biến đổi thành.

cung cấp cơ sở lý luận vững chắc cho việc nghiên cứu biến đổi ngữ âm của tiếng Việt và những ngôn ngữ khác.

2. Nhận thức của con người về biến đổi ngôn ngữ

Ngôn ngữ luôn luôn biến đổi, cho dù ở những thời kỳ khác nhau có thể diễn ra nhanh hay chậm, có thể diễn ra theo chiều hướng này hay chiều hướng khác. Nhà ngôn ngữ học Đan Mạch Otto Jespersen đã có sự so sánh rất nổi tiếng về sự biến đổi của ngôn ngữ: sự biến đổi của ngôn ngữ giống như người ta cưa gỗ, nếu muốn cưa một đồng gỗ thành những khúc có độ dài giống nhau, bạn phải lần lượt dùng những khúc đã cưa trước đó làm thước đo để cưa những khúc khác, chỉ cần bạn không để ý một chút thôi thì khúc bạn cưa lúc đầu và khúc cuối cùng khác xa nhau về độ dài. Otto Jespersen cho rằng ngôn ngữ của thế hệ sau có được là do học tập và mô phỏng ngôn ngữ của thế hệ trước đó và chỉ cần ở một thế hệ nào đó sự mô phỏng hay bắt chước không chính xác sẽ gây ra sự biến đổi ngôn ngữ.

Mặc dù có chịu ảnh hưởng bởi những hoạt động xã hội của con người, nhưng sự biến đổi của ngôn ngữ diễn ra tương đối độc lập. Nhận biết và tìm ra được những quy luật biến đổi của ngôn ngữ là điều không hề đơn giản. Đây là cả một quá trình thể hiện sự tiến bộ trong nhận thức của con người.

Ở phương Đông, người Trung Quốc ngay từ rất sớm đã để ý đến hiện tượng hiệp vần trong thơ ca. Bộ tổng tập thơ ca đầu tiên của họ là *Kinh Thi* xuất hiện vào thời Tiên Tần (thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên), bao gồm 305 bài thơ được thu thập trong khoảng hơn 500 năm (từ đầu thời Tây Chu đến giữa thời Xuân Thu). Ngoài *Kinh Thi* ra, *Sở Từ* cũng là bộ tổng tập thơ xuất hiện từ rất sớm (thời Tây Hán), bao gồm các bài thơ của Khuất Nguyên, Tống Ngọc, Đông Phương Sóc... *Kinh Thi* và *Sở Từ* bao gồm các bài thơ hiệp vần chặt chẽ với nhau, nhưng từ thời nhà Hán trở đi, người ta đọc nhiều câu, nhiều bài không thấy hiệp vần nữa³.

Đối với chúng ta hiện nay, đây là điều hoàn toàn dễ hiểu bởi nguyên nhân của nó là sự biến đổi của ngôn ngữ (cụ thể là sự biến đổi của ngữ âm), nhưng đối với người Trung Quốc cổ, họ phải mất một khoảng thời gian khá dài mới nhận thức được vấn đề. Từ thời lục triều đã có người để ý đến hiện tượng này, nhưng do không biết rằng ngữ âm có thể biến đổi nên họ đã đưa ra những cách giải thích không đúng. Thẩm Trọng cuối thời nhà Lương trong *Mao thi âm* cho rằng đây là hiện tượng “hiệp cú”, hiệp cú thực chất là việc thay đổi âm đọc của chữ để chữ đó hiệp vần với chữ khác. Ví dụ chương 3 trong bài *Yến yến* (*Bắc phong, Kinh thi*) “yến yến ư phi, hạ thượng kỳ **âm**, chi tử vu quy, viễn tống ư **nam**, chiêm vọng phát cập, thực lao ngã **tâm**” (Chim yến bay đi, tiếng hót còn vắng đâu đây, nàng về nhà chồng, tiễn nàng đến tận phương nam, nhìn xa không thấy, tâm can nào nề), ở đây “âm, nam, tâm” hiệp vần với nhau, “âm” và “tâm” hiệp vần với nhau thì đúng, nhưng tại sao “nam” lại hiệp vần với “âm, tâm”? “Nam” vốn đọc là “na hàm phản (nam)”, nhưng ở đây theo Thẩm Trọng phải đọc là “nãi lâm phản (nâm)” và như vậy sẽ hiệp vần với “âm, tâm”. Như vậy, Thẩm Trọng đã tự ý thay đổi âm đọc của “nam” để cho nó phù hợp với quy luật hiệp vần trong thơ ca. Hiện tượng này đến thời nhà Tống thì càng nghiêm trọng hơn, Chu Hy trong *Thi tập truyện* đã phát triển thành thuyết “diệp âm”, ông tùy tiện thay đổi âm

³ Quan điểm dưới đây về hiệp vần, chúng tôi tham khảo Đường Tác Phiên, *Giáo trình âm vận học*, Nxb Đại học Bắc Kinh, 2002: 193-194.

đọc của các chữ để cho chúng hiệp vần với nhau. (Theo Đường Tác Phiên, 2002).

Phải đến thời nhà Minh, người Trung Quốc mới nhận thức được bản chất của vấn đề này là nằm ở sự biến đổi ngữ âm. Nhà cổ âm học thời Minh Trần Đệ trong *Mao thi cổ âm khảo* đã đưa ra quan điểm duy vật lịch sử “Thời hữu cổ kim, địa hữu nam bắc, tự hữu canh cách, âm hữu chuyển di, diệp thể sở tất chí (thời gian có xưa và nay, không gian có nam và bắc, chữ viết có sự thay đổi, âm đọc có sự biến đổi, xu hướng chung như vậy chắc chắn sẽ xảy ra)”. Quan điểm này đã soi sáng, chỉ đường cho các học giả sau này và đưa ngành cổ âm học Trung Quốc phát triển lên đỉnh cao vào thời nhà Thanh.

Ở phương Tây, từ thế kỷ 15 trở đi, do những tiến bộ vượt bậc về khoa học kỹ thuật và do nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm những thuộc địa mới nên các giáo sỹ đã được chính quyền các nước cử đi khắp nơi trên thế giới. Các giáo sỹ đã học tập, tìm hiểu ngôn ngữ văn hóa của những vùng, những quốc gia mà họ đặt chân đến. Nhiều giáo sỹ đã tạo ra văn tự để ghi lại các ngôn ngữ trên thế giới. Trong quá trình học tập tìm hiểu đó, các giáo sỹ phải so sánh ngôn ngữ của mình với các ngôn ngữ khác. Đây chính là tiền đề cho sự ra đời của ngôn ngữ học so sánh lịch sử ở châu Âu vào cuối thế kỷ thứ 18. Thành tựu nổi bật của ngôn ngữ học so sánh lịch sử là phương pháp so sánh lịch sử (The comparative method), phương pháp phục nguyên nội bộ (The method of internal reconstruction), lý luận phả hệ hình cây về sự biến đổi của ngôn ngữ (The theory of Stammbaum, or family tree) và giả thuyết “biến đổi ngữ âm không có ngoại lệ” của phái ngữ pháp mới (The Neogrammarians).

Mặc dù đóng góp rất nhiều thành tựu cho ngôn ngữ học, song các học giả phương Tây cũng có thời kỳ nhìn nhận không đúng về sự biến đổi của ngôn ngữ. Do tiếp xúc với nhiều ngôn ngữ nên việc phân loại các ngôn ngữ trên thế giới được các học giả châu Âu rất chú trọng, các ngôn ngữ bước đầu được phân loại thành 3 loại hình: loại hình đơn lập, loại hình chấp dính, loại hình khâu chiết.⁴ Đây là sự phân loại có căn cứ bởi nó dựa vào đặc điểm của các ngôn ngữ. Vấn đề nằm ở chỗ một số học giả do ảnh hưởng thuyết tiến hóa của Charles Robert Darwin nên đã đồng nhất sự biến đổi của ngôn ngữ với sự tiến hóa của ngôn ngữ. Wilhelm Von Humboldt trong *Khởi nguồn hình thức ngữ pháp* cho rằng các loại hình kết cấu khác nhau đại diện cho những giai đoạn trong tiến trình phát triển của ngôn ngữ: loại hình ngôn ngữ khúc triết tương đối tiên tiến, là xu hướng phát triển ngôn ngữ của nhân loại, trong khi đó loại hình ngôn ngữ đơn lập là cấp thấp và tương đối kém phát triển. Học giả người Đức, August Schleicher coi ngôn ngữ như một thực thể hữu cơ của giới tự nhiên và vì vậy có sự tiến hóa và thoái hóa ngôn ngữ, ngôn ngữ cũng có sự sống như động thực vật và vì vậy nó cũng có thời kỳ sinh trưởng, phát triển và thời kỳ già cỗi. A. W. Von Schlegel tiến xa hơn khi dùng thuyết tiến hóa của Charles Robert Darwin để giải thích các giai đoạn phát triển của ngôn ngữ. Ông cho rằng các sinh vật có nguồn gốc từ các tế bào sống đơn giản, trải qua các giai đoạn phát triển, cuối cùng hình thành nên các loài sinh vật trong thế giới hiện thực; sự phát triển của ngôn ngữ cũng giống như vậy, khởi nguồn ban đầu ở trạng thái đơn giản giống như tiếng Hán, sau đó trải qua thời kỳ chấp dính và cuối cùng bước vào thời kỳ có hình thức phát triển cao nhất là khâu triết.

⁴ A. W. Von Schlegel, *Observations sur la Langue et la Littérature Provençales*, 1818, Paris. Dẫn theo R. H. Robins, *Lịch sử phân loại ngôn ngữ (thượng)*, tạp chí Ngôn ngữ học nước ngoài, số 1 năm 1983 (bản dịch tiếng Trung của Lâm Thu Vũ).

Rõ ràng đây là quan điểm không đúng của một số học giả phương Tây, vì vậy sau này Meillet coi đây là “trò đùa trẻ con”, Edward Sapir cũng chỉ rõ, phân loại ngôn ngữ dựa trên quan điểm tiến hóa là hoàn toàn sai lầm.⁵

Một vấn đề nữa thu hút được sự quan tâm và tranh luận của các học giả phương Tây đó là “sự biến đổi của ngôn ngữ có nhận biết được không”.⁶ Phái ngữ pháp mới thế kỷ 19 có hai quan điểm nổi tiếng về ngôn ngữ học lịch sử là “quy luật biến đổi ngữ âm không có ngoại lệ” và “quá trình biến đổi ngữ âm không thể quan sát được”. Trên đây chúng tôi có nói đến sự so sánh nổi tiếng của Otto Jespersen về sự biến đổi của ngôn ngữ, ông cho rằng sự khác biệt chỉ thấy được khi so sánh kết quả cuối cùng với trạng thái ban đầu, còn trạng thái giữa trong khi biến đổi thì không thể quan sát được. Bloomfield (1933) cũng cho rằng quá trình biến đổi ngữ âm là chậm chạp và không thể trực tiếp quan sát được, ông nhấn mạnh “chỉ dựa vào những thiết bị mà chúng ta có hiện nay để quan sát quá trình biến đổi là không thể tưởng tượng”. Hockett (1958) lại dùng lí do ngược lại để chứng minh, ông cho rằng mặc dù cả quá trình biến đổi ngữ âm là chậm chạp, nhưng sự thay đổi và sự tạo dựng lại âm vị là rất nhanh và con người không thể nào quan sát trực tiếp được sự biến đổi đó.

Tiếp thu những thành quả mới nhất của ngữ âm học thực nghiệm, đại đa số các học giả cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21 đều cho rằng con người có thể quan sát được quá trình biến đổi ngữ âm. Trần Trung Mẫn (2007) cho rằng những người dân bình thường không nhận ra quá trình biến đổi ngữ âm, nhưng những nhà ngôn ngữ học đã được đào tạo bài bản, với sự hỗ trợ phân tích của các thiết bị máy móc thì hoàn toàn có thể quan sát được. Ông có sự so sánh rất thú vị: khi hóa nghiệm máu của hai người, chúng ta lấy mỗi người một giọt máu, nếu là người bình thường thì không thể nhận ra sự khác biệt giữa hai giọt máu đó, nhưng những bác sỹ hóa nghiệm, bằng chuyên môn của mình cùng với sự hỗ trợ của các thiết bị, sẽ nhận ra được đâu là giọt máu bình thường và đâu là giọt máu bị nhiễm bệnh. Các bác sỹ dựa vào phân tích số liệu hóa nghiệm máu mà biết được sự phát sinh, phát triển và kết quả của căn bệnh.

William Labov (2007) lấy ví dụ về tổ hợp 11 âm biến dị trong đồng đại ở Philadelphia để chứng minh con người có thể quan sát được quá trình biến đổi ngữ âm. 11 âm này được chia làm 5 giai đoạn: giai đoạn bắt đầu, giai đoạn phát triển mạnh, giai đoạn giữa, giai đoạn gần hoàn thành và giai đoạn hoàn thành. Ông phát hiện ra rằng quá trình biến đổi này có hình chữ S: giai đoạn đầu chậm chạp, giai đoạn phát triển mạnh và giai đoạn giữa có tốc độ nhanh, đến giai đoạn gần hoàn thành và giai đoạn hoàn thành tốc độ lại chậm lại. Sở dĩ William Labov có thể thay đổi quan điểm truyền thống của phái ngữ pháp trẻ là vì ông đã áp dụng phương pháp mới trong nghiên cứu “dùng những thành tựu của nghiên cứu ngôn ngữ trong đồng đại để giải thích những hiện tượng ở lịch đại”. Chambers (1995: 147) coi đây là thành tựu làm mọi người kinh ngạc nhất của ngôn ngữ học đương đại.

Cũng ủng hộ quan điểm cho rằng con người có thể nhận biết được sự biến đổi của ngôn ngữ, Ohala (1993) có tuyên bố hùng hồn “thí nghiệm tái hiện lịch sử”. Điều này có nghĩa là những biến đổi ngữ âm xảy ra trong lịch sử đều có thể tái hiện lại trong phòng thí nghiệm, và đương nhiên

⁵ Dẫn theo R. H. Robins, *Lịch sử phân loại ngôn ngữ (hạ)*, tạp chí Ngôn ngữ học nước ngoài, số 2 năm 1983 (bản dịch tiếng Trung của Châu Thiệu Hoàn).

⁶ Phần này chúng tôi tham khảo quan điểm của Trần Trung Mẫn trong phần hướng dẫn đọc *Nguyên lý biến đổi ngôn ngữ: nhân tố nội bộ* của William Labov, Nxb Đại học Bắc Kinh, 2007.

nếu làm được như vậy thì chúng ta hoàn toàn có thể quan sát được.

3. Biến đổi ngữ âm, những vấn đề liên quan

3.1. Tính quy luật của biến đổi ngữ âm

Ngữ âm biến đổi theo những quy luật nhất định chứ không phải diễn ra một cách ngẫu nhiên. Sự biến đổi ngữ âm không phải diễn ra ở một vài từ, một vài âm đơn lẻ mà nó ảnh hưởng đến cả một loạt âm, thậm chí kéo theo sự biến đổi của cả hệ thống ngữ âm.

Nhận thức về tính quy luật trong biến đổi ngữ âm của con người không phải diễn ra trong ngày một ngày hai, mà đã trải qua cả một quá trình với những ý kiến trái chiều. Jacob Grimm là người có công lao rất lớn đối với ngôn ngữ học so sánh lịch sử, năm 1822 ông xuất bản cuốn *Ngữ pháp tiếng Đức*, trong đó ông tìm ra quy luật biến đổi ngữ âm ở các phụ âm của các ngôn ngữ nhóm Giéc-mạnh (Germanic group), cụ thể như sau:

Ngôn ngữ Ấn Âu nguyên thủy		Ngôn ngữ cổ nhóm Giéc-mạnh
p, t, k	>	f, θ, h
b, d, g	>	p, t, k
bh, dh, h	>	b, d, g

Sau này người ta gọi những quy luật biến đổi ngữ âm này là định luật Grimm (Grimm's law). Grimm là học giả rất nghiêm túc trong học thuật, ngoài việc phát hiện ra các quy luật trên đây, ông cũng liệt kê ra những hiện tượng mâu thuẫn với những quy luật này mà tạm thời ông không giải thích được, ông coi đó là những ngoại lệ, những ngoại lệ này được chia làm 3 nhóm. Chính sự tồn tại của những ngoại lệ này nên các học giả tin rằng “không có quy luật nào không có ngoại lệ”.

Sau này, cùng với sự phát triển của nhận thức, C. Lottner, Hermann Grassmann và Karl Verner lần lượt giải thích được 3 nhóm ngoại lệ này. Karl Verner cho rằng “không có quy luật nào không có ngoại lệ” nên sửa thành “không có ngoại lệ nào mà không có quy luật”. August Leskien tổng kết ngắn gọn hơn “quy luật biến đổi ngữ âm không có ngoại lệ”.

3.2. Nguyên nhân biến đổi ngữ âm

Ngữ âm biến đổi có tính quy luật không có nghĩa là những quy luật biến đổi ngữ âm xảy ra ở ngôn ngữ này thì chắc chắn sẽ xảy ra ở những ngôn ngữ khác, hay chiều hướng biến đổi ngữ âm của các ngôn ngữ phải hoàn toàn giống nhau. Trên thực tế, chúng ta thấy có những sự biến đổi khác nhau, thậm chí trái ngược nhau giữa các ngôn ngữ. Sở dĩ như vậy là vì quy luật biến đổi ngữ âm ở các ngôn ngữ chịu sự chi phối của những nguyên nhân giống và khác nhau.

Nguyên nhân giống nhau có thể kể đến như cấu tạo của cơ quan phát âm, sự ảnh hưởng lẫn nhau của các âm trong chuỗi lời nói..., nguyên nhân khác nhau có thể kể đến như điều kiện xã hội, khí hậu, địa lý, thái độ ngôn ngữ, truyền thống văn hóa... Song, nguyên nhân biến đổi ngữ âm có thể quy về 2 loại chính: nguyên nhân trong ngôn ngữ và nguyên nhân ngoài ngôn ngữ.

Nguyên nhân trong ngôn ngữ: Khi trò chuyện với nhau, chúng ta không phát ra từng âm riêng lẻ, chậm chạp mà thường là một chuỗi âm liên tiếp với nhau. Trong chuỗi âm đó, khi chưa

phát âm xong một âm A bất kỳ nào đó, cơ quan phát âm của chúng ta đã phải chuẩn bị để phát âm âm B ngay sau đó. Hay nói cách khác, các âm trong chuỗi âm có ảnh hưởng qua lại với nhau chứ không phải độc lập riêng lẻ. Sự ảnh hưởng này nếu quá nhỏ, người nghe sẽ khôi phục lại dạng ban đầu và không có sự biến đổi ngữ âm. Nhưng nếu sự ảnh hưởng đủ lớn sẽ gây ra sự biến đổi ngữ âm ở một vài người, rồi đến một nhóm người và sau đó lan ra cả cộng đồng.

Sự biến đổi ngữ âm ở đồng đại có thể quy về mấy loại chính như: đồng hóa, dị hóa, nhược hóa, tăng âm, giảm âm, nối âm, hợp âm... Ngoài ra, kết cấu của mỗi ngôn ngữ luôn đảm bảo tính cân bằng nhất định, khi xảy ra sự biến đổi ngữ âm nào đó nó có thể sẽ kéo theo những biến đổi ngữ âm khác để đảm bảo tính cân bằng của hệ thống, đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra sự biến đổi ngữ âm trên toàn hệ thống.

Nguyên nhân ngoài ngôn ngữ: Nguyên nhân trong ngôn ngữ có thể giải thích được sự biến đổi ngữ âm của những ngôn ngữ riêng lẻ ở đồng đại, nhưng không giải thích được sự biến đổi ngữ âm ở lịch đại và sự biến đổi ngữ âm khác nhau ở các ngôn ngữ. Chúng ta sẽ không hiểu được tại sao ở cùng một ngôn ngữ thời kỳ này có quá trình biến đổi từ A sang B, thời kỳ khác lại biến đổi từ A sang C hay thậm chí là từ B sang A; chúng ta cũng không giải thích được tại sao ở ngôn ngữ này có sự biến đổi từ C sang D, ở ngôn ngữ khác lại có sự biến đổi từ D sang C. Nguyên nhân của những hiện tượng này nằm ngoài ngôn ngữ.

Ngôn ngữ là hoạt động giao tiếp của con người diễn ra trong xã hội, vì vậy sự biến đổi của ngôn ngữ (ở đây cụ thể là sự biến đổi của ngữ âm) một mặt chịu ảnh hưởng của chính con người (những chủ thể giao tiếp), mặt khác không thể tách rời xã hội (môi trường giao tiếp). Hay nói cách khác, ngôn ngữ là một hoạt động xã hội của con người và vì vậy sự biến đổi của nó phải chịu sự chi phối của xã hội và con người.

Theo Cù Ái Đường (2004), sự biến đổi của ngôn ngữ có nguyên nhân từ xã hội, tâm lý, tiếp xúc và kết cấu của ngôn ngữ. Trong đó, môi trường xã hội là nhân tố ảnh hưởng trước tiên: nhìn ở phạm vi rộng, nó thể hiện ở xã hội mà ngôn ngữ đó tồn tại là xã hội hòa bình ổn định hay đang chiến tranh loạn lạc, xã hội với nền kinh tế phát triển hay lạc hậu...; nhìn ở phạm vi hẹp, các vấn đề nhỏ của xã hội như chủng tộc, giới tính, tầng lớp, nghề nghiệp, tuổi tác... đều có thể tác động đến sự biến đổi của ngữ âm.

Giang Dịch (2002) chia trạng thái của hệ thống xã hội thành 4 loại hình: xã hội mở, xã hội nửa mở, xã hội nửa khép (hay chuẩn khép kín) và xã hội khép. Tương đương với 4 loại hình trạng thái xã hội đó là 4 trạng thái ngôn ngữ khác nhau: trạng thái thông dụng, sôi nổi; trạng thái chuẩn thông dụng, tương đối sôi nổi; trạng thái phương ngôn, chuẩn lười; trạng thái cách biệt, lười nhác. Xã hội mở có nền kinh tế phát triển, giao thông đi lại thuận tiện, giao tiếp giữa mọi người với nhau diễn ra nhanh, do phải đáp ứng nhu cầu của xã hội nên xuất hiện số lượng lớn từ mới, làm phong phú kho từ vựng; mặt khác, do hoạt động giao tiếp diễn ra nhanh nên ảnh hưởng qua lại giữa các âm trong chuỗi âm là rất lớn, từ đó thúc đẩy nhanh quá trình biến đổi ngữ âm. Ngược lại, xã hội khép kín kinh tế trì trệ, chậm phát triển, giao thông đi lại bị cách trở, giao tiếp diễn ra chậm, không có nhu cầu về từ mới nên số lượng từ xuất hiện mới là không nhiều; về mặt ngữ âm, do giao tiếp diễn ra chậm nên ảnh hưởng qua lại giữa các chuỗi âm là không lớn, biến đổi ngôn ngữ diễn ra chậm và có thể theo những phương hướng khác với ngôn ngữ trong xã hội mở.

Một nguyên nhân khác ảnh hưởng đến sự biến đổi của ngữ âm mà chúng ta không thể phủ

nhận được đó là tiếp xúc ngôn ngữ. Mức độ ảnh hưởng của tiếp xúc ngôn ngữ đối với sự biến đổi của ngữ âm do thời gian tiếp xúc và cường độ tiếp xúc quyết định. Thời gian tiếp xúc càng lâu, cường độ tiếp xúc càng mạnh thì ảnh hưởng càng lớn (ví dụ ảnh hưởng của tiếng Hán với tiếng Việt là rất lớn do thời gian tiếp xúc lâu dài; ngược lại mặc dù thời gian tiếp xúc ngắn nhưng do cường độ mạnh nên tiếng Pháp cũng có ảnh hưởng tương đối lớn đối với tiếng Việt). Ngoài ra, loại hình tiếp xúc là tự nguyện hay bắt buộc, tiếp xúc tự nhiên hay tiếp xúc có chủ ý (hoạt động học tập ngoại ngữ) cũng ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp xúc.

Ngoài các nguyên nhân về xã hội ra, con người với tư cách là chủ thể của giao tiếp, chủ thể của hoạt động lời nói, sự biến đổi của ngôn ngữ (cụ thể là ngữ âm) có nguyên nhân trực tiếp từ con người. Trình độ văn hóa, khả năng tư duy nhận thức, thái độ và năng lực ngôn ngữ, ý thức xã hội... của con người ảnh hưởng đến sự biến đổi của ngữ âm. Những người có trình độ văn hóa cao, hiểu biết sâu về ngôn ngữ, chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ viết nên ở họ sự biến đổi ngữ âm khó xảy ra hơn; ngược lại ở những người lao động bình thường, sự biến đổi ngữ âm dễ xảy ra hơn, đặc biệt những người này bao giờ cũng có xu hướng mô phỏng và bắt chước ngôn ngữ của những người ở tầng lớp xã hội cao.

Chủ thể giao tiếp ở đây bao gồm người nói và người nghe, nhưng xưa nay nghiên cứu sự biến đổi của ngữ âm chỉ chú trọng và nhấn mạnh đến ảnh hưởng của người nói mà chưa để ý đúng mức đến vai trò của người nghe. Tất cả các khâu trong quá trình giao tiếp giữa người nói và người nghe (bao gồm ngữ âm được phát ra từ miệng người nói, được truyền tới tai người nghe thông qua môi trường truyền dẫn, được người nghe tiếp nhận và cuối cùng người nghe tái tạo lại ngữ âm) đều có thể ảnh hưởng đến sự biến đổi ngữ âm.

3.3. Phương thức biến đổi ngữ âm

Sự biến đổi ngữ âm diễn ra nhanh hay chậm, diễn ra dần dần hay đột ngột? Sự biến đổi ngữ âm được thể hiện như thế nào trên bình diện từ vựng? Đây là những câu hỏi mà các trường phái nghiên cứu ngôn ngữ có câu trả lời hoàn toàn trái ngược nhau.

Phái ngữ pháp trẻ cho rằng sự biến đổi của ngữ âm là dần dần và liên tục, sự biến đổi này thể hiện trên bình diện từ vựng một cách đột ngột và phân tán. Henry Sweet cho rằng ở tiếng Anh nguyên âm dòng cao [i] biến đổi thành [ai] phải trải qua những giai đoạn quá độ như: [ii], [ei], [ēi], quá trình biến đổi này không phải là đồng thời mà là liên tục.⁷ Song, sự biến đổi này phản ánh trên bình diện từ vựng là đồng thời, đột ngột, chỉ cần điều kiện giống nhau thì ngữ âm sẽ xảy ra biến đổi một cách máy móc, mù quáng, đột ngột và toàn bộ. Như vậy, sự biến đổi là toàn diện và không có ngoại lệ.⁸

Ngược lại với quan điểm trên đây, William S- Y Wang người đưa ra lý thuyết khuếch tán từ vựng lại cho rằng sự biến đổi của ngữ âm là đột ngột, phân tán, nhưng sự biến đổi này thể hiện trên bình diện từ vựng là dần dần và liên tục. Quan điểm này của William S- Y Wang nhận được sự đồng tình của các học giả, bởi nếu sự biến đổi ngữ âm phản ánh trên bình diện từ vựng một cách đột ngột, ảnh hưởng đến tất cả các từ liên quan thì sẽ làm cản trở quá trình giao tiếp, người nghe khó có thể hiểu được những gì người nói đang nói. Mặt khác, sự tồn tại rất nhiều biến dị và

⁷ H. Sweet, *History of English Sounds*, 1888, Oxford.

⁸ Theo Từ Thông Khuông (2008: 125).

ngoại lệ trong ngôn ngữ cho thấy biến đổi ngữ âm là cả một quá trình có khởi đầu và có kết thúc.

Ngữ âm học thực nghiệm đã có công lao rất lớn trong việc trả lời câu hỏi sự biến đổi ngữ âm là đột ngột hay dần dần. Bằng những máy móc hiện đại và phương pháp tiên tiến, các nhà ngữ âm học thực nghiệm có thể khống chế các tham số trong thí nghiệm của mình, họ có thể tạo ra những âm ở dạng trung gian (ngữ âm hợp thành). Ví dụ, để tìm hiểu quá trình biến đổi từ âm A đến âm B diễn ra như thế nào, ngoài A và B ra họ tạo ra một loạt các âm trung gian giữa A và B, các âm dùng để thí nghiệm bao gồm: A, A₁, A₂, A₃, A₄, B₄, B₃, B₂, B₁, B. Sau đó, họ tiến hành thí nghiệm ở một nhóm người nhất định, nhóm người này được nghe các âm từ A đến B nhưng không theo một trật tự nào, nhiệm vụ của họ là phải nhận diện âm họ nghe được là A hay B. Kết quả cho thấy khi nghe các âm từ A đến A₄ mọi người đều chọn là A, nhưng khi nghe sang âm B₄ thì đột nhiên tất cả mọi người lại chọn là B. Điều này cho thấy sự biến đổi ngữ âm là đột ngột chứ không phải dần dần.

Để hiểu rõ vấn đề này chúng ta có thể lấy ví dụ trong tiếng Việt, ở phương ngôn miền Bắc của tiếng Việt đang diễn ra quá trình biến đổi ngữ âm từ “rou[wɔu]” sang “iêu[iəu]”, người miền Bắc thường phát âm là “iêu[iəu]”, ví dụ “riêu, hiêu, biêu”, nhưng khi có người nói họ phát âm sai thì họ ý thức được mình đã phát âm không theo chuẩn của tiếng Việt toàn dân và họ phát âm lại là “rɔu, hɔu, bɔu”. Như vậy, hoặc là “rou[wɔu]” hoặc là “iêu[iəu]”, chứ không có dạng thức trung gian giữa chúng. Quá trình biến đổi ngữ âm này mới chỉ xảy ra ở phương ngữ Bắc bộ chứ chưa khuếch tán ra các phương ngữ khác, điều này cho thấy sự biến đổi ngữ âm phản ánh trên bình diện từ vựng là dần dần chứ không phải đột biến.

5. Kết luận

Ngôn ngữ luôn luôn vận động biến đổi, cho dù ở những thời kỳ khác nhau có thể diễn ra nhanh hay chậm, theo chiều hướng này hay chiều hướng khác. Ngữ âm là vô âm thanh của ngôn ngữ, vì vậy nhắc đến sự biến đổi của ngôn ngữ, không thể không nhắc đến sự biến đổi của ngữ âm. Song, nhận biết được sự biến đổi này là điều không đơn giản, đây là cả một quá trình thể hiện sự tiến bộ trong nhận thức của con người ở cả phương Đông và phương Tây.

Mặc dù còn có những quan điểm khác nhau, song đến nay đa số các học giả đều đồng ý về một số vấn đề liên quan đến biến đổi ngữ âm như: 1. Con người có thể quan sát được quá trình biến đổi ngữ âm; 2. Ngữ âm biến đổi theo những quy luật nhất định chứ không phải diễn ra một cách ngẫu nhiên; 3. Nguyên nhân biến đổi ngữ âm bao gồm nguyên nhân trong ngôn ngữ (ảnh hưởng của các âm trong chuỗi lời nói, sự cân bằng của hệ thống ngữ âm) và nguyên nhân ngoài ngôn ngữ (giới tính, tầng lớp, nghề nghiệp, tuổi tác, trình độ văn hóa, tâm lý, tiếp xúc ngôn ngữ...); 4. Sự biến đổi của ngữ âm là đột ngột, phân tán, nhưng sự biến đổi này thể hiện trên bình diện từ vựng là dần dần và liên tục.

Tài liệu tham khảo

- [1] A.G.Haudricourt. 越南语声调的起源[J]. 冯蒸译. 冯蒸音韵论集[C]. 北京: 学苑出版社, 2006: 614-624 (原著: 1954) .
- [2] C.Mác và Ph.Ăngghen. *C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập* (tập 20). Nxb Chính trị quốc gia- Sự

thật. 1994.

- [3] Chambers, J. K. 1995. *Sociolinguistic Theory: Language Variation and its Social Significance*. Oxford: Basil Blackwell.
- [4] H. Sweet, *History of English Sounds*, 1888, Oxford.
- [5] Hoàng Khê. *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học. 1998.
- [6] Ohala, John. *The phonetics of sound change*. In Charles Jones (ed.), *Historical Linguistics: Problems and Perspectives*. London: Longman. 1993. 237-278.
- [7] R. H. Robins (林书武译). 语言分类史(上)[J]. 国外语言学, 1983(1): 26-36.
- [8] R. H. Robins (周绍珩译). 语言分类史(下)[J]. 国外语言学, 1983(2): 11-23, 54.
- [9] Wang, William S—Y, *Competing Changes as a Cause of Residue*, *Language*, 1969 (49): 9-25.
- [10] William Labov. 语言演变原理(内部因素)[M]. 北京: 北京大学出版社, 2007.
- [11] 江荻. 汉藏语言演化的历史音变模型[M]. 北京: 民族出版社, 2002.
- [12] 瞿霭堂. 语音演变的理论和类型[J]. 语言研究, 2004(2): 1-13.
- [13] 唐作藩. 音韵学教程[M]. 北京: 北京大学出版社, 2002.
- [14] 徐通锵. 历史语言学[M]. 北京: 商务印书馆, 1991.

